

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HS-ST
Ngày 18-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Thương;
2. Ông Hoàng Đại Lâm;
3. Bà Trần Thị Vy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 23/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 06/9/2021 đối với bị cáo:

Lê Thị Thu T (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 06/01/1987 tại thành phố H, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ x, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; chuyên môn: Đại học ngân hàng; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại chi bộ X thuộc Đảng bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Chi nhánh Hà Giang, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 01-QĐ/UBKTĐUK ngày 04/9/2020 của Đảng ủy khối Cơ quan – Doanh nghiệp tỉnh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NLQ33, sinh năm 1957 và bà NLQ32, sinh năm 1959; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; giấy chứng minh thư nhân dân số xxx do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 13/3/2010;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thu T:* Bà Phạm Thị Loan, Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thị Loan và các cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ: Số x, phố Đ, phường N, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Ông Lê Đức A; chức vụ: Trưởng Phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Chi nhánh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà NLQ1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Ông NLQ2, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ x, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Ông NLQ4, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Bà NLQ5, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

6. Ông NLQ6, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

7. Bà NLQ7, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

8. Ông NLQ8, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

9. Bà NLQ9, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

10. Ông NLQ10, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

11. Ông NLQ11, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

12. Bà NLQ12, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

13. Bà NLQ13, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

14. Ông NLQ14, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

15. Ông NLQ15, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

16. Ông NLQ16, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

17. Ông NLQ17, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

18. Bà NLQ18, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Ông NLQ19, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

20. Bà NLQ20, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

21. Ông NLQ21, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

22. Bà NLQ22, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

23. Bà NLQ23, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số nhà x, đường H, tổ y, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

24. Bà NLQ24, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

25. Ông NLQ25, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

26. Ông NLQ26, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ x, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

27. Bà NLQ27, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ x, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt;

28. Bà NLQ28, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

29. Bà NLQ29, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

30. Bà NLQ30, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ x, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt.

31. Bà NLQ31, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số x, đường Y, phường V, quận T, thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt;

32. Bà NLQ32, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ x, phường P, thành phố H,

tỉnh Hà Giang; có mặt.

33. Ông NLQ33, sinh năm 1959, nơi cư trú: Tổ x, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Lê Thị Thu T được tuyển dụng vào công tác tại Ngân hàng C Hà Giang. Từ 01/4/2019 đến 14/7/2020, T được Giám đốc Ngân hàng C Hà Giang phân công vị trí công tác là cán bộ QHKKH bán lẻ (*Cán bộ tín dụng*) thuộc Phòng giao dịch V, với nhiệm vụ: Tư vấn, hướng dẫn quy định thủ tục cấp tín dụng, tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ cấp tín dụng của khách hàng; hướng dẫn khách hàng cung cấp hồ sơ giải ngân, rà soát, kiểm tra hồ sơ giải ngân và thu thập đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn của khách hàng theo quy định hiện hành để trình Lãnh đạo phòng giao dịch phê duyệt.

Trong thời gian công tác tại Phòng giao dịch V, T vay tiền ngoài xã hội với số tiền khoảng 09 tỷ đồng để cho NLQ31, SN 1983 (*HKTT: Số x, đường Y, phường V, quận T, TP. Hà Nội*) vay. Do chưa đòi được tiền của NLQ31 nên T không có khả năng thanh toán, trong khi đến hạn đòi nợ của các cá nhân cho vay, T sợ mất danh dự, uy tín, việc làm và muốn tiếp tục cho NLQ31 vay tiền để làm ăn nhằm thu hồi toàn bộ số tiền gốc mà NLQ31 đã vay trước đó. Do vậy, lợi dụng kẽ hở trong quy trình cấp và quản lý tín dụng của Ngân hàng đối với loại hình cho vay ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh. Qua theo dõi hồ sơ vay vốn của khách hàng, bị can biết khách hàng không vay hết hạn mức tín dụng được cấp, lợi dụng sự tin tưởng của khách hàng đối với mình và biết được tâm lý của khách hàng khi vay vốn mong muốn thủ tục nhanh gọn mà không quan tâm đến các quy định của pháp luật liên quan đến những chứng từ, tài liệu phải ký xác nhận tại Ngân hàng, nên khi khách hàng đến làm thủ tục vay vốn hoặc nhận nợ tại ngân hàng, T đã cho khách hàng ký không giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi để khi có nhu cầu nhận nợ, thủ tục giải ngân nhanh gọn, khách hàng có thể không phải đến phòng giao dịch. Sau khi có chữ ký không của khách hàng (*riêng khách hàng NLQ22, T tự ký mạo chữ ký của bà NLQ22 trên Giấy nhận nợ và ủy nhiệm chi*), T đã nhiều lần lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Khách hàng nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản trả tiền hàng cho bên bán hàng (*người thụ hưởng cũng là khách hàng của Ngân hàng, T quen biết và có kinh doanh mặt hàng tương tự như khách hàng mà bị cáo lập hồ sơ giải ngân không*). Cách thức lập hồ sơ giải ngân không, như sau: T đánh máy nội dung nhận nợ của khách hàng trên máy tính và dùng tờ giấy nhận nợ đã có chữ ký không của khách hàng ở mặt sau để in nội dung mặt trước lên giấy nhận nợ; lập biên bản kiểm tra đối tượng giải ngân (*T ký tên và ký mạo chữ ký của khách hàng*); lập bảng kê mua bán hàng hóa, sau đó phô tô ộp chữ ký của khách hàng và người thụ hưởng rồi ký xác nhận, đóng dấu đã đối chiếu với bản gốc; sau đó, T đem 04 loại chứng từ này trình Trưởng phòng giao dịch

(ông NLQ26 hoặc bà NLQ27) ký duyệt và chuyển sang bộ phận kế toán để hạch toán giải ngân. Trong 25 hồ sơ khách hàng giải ngân không có 2 hồ sơ giải ngân thuộc thẩm quyền chi nhánh (bà NLQ28 - *Phó Giám đốc Ngân hàng C Hà Giang ký giấy nhận nợ*). Căn cứ nội dung giấy nhận nợ, giao dịch viên kế toán (NLQ29 hoặc NLQ30) đã sử dụng phần mềm hỗ trợ khách hàng đánh máy các nội dung liên quan đến việc khách hàng thanh toán tiền hàng rồi in ủy nhiệm chi, ký xác nhận và chuyển cho ông Phạm Văn B là Phó Trưởng phòng giao dịch kiểm tra, ký duyệt để chuyển khoản.

Để khách hàng và những người có trách nhiệm trong Ngân hàng không phát hiện hành vi phạm tội của mình, sau khi Trưởng phòng giao dịch ký duyệt giấy nhận nợ, T đã hủy biên bản kiểm tra đối tượng giải ngân và bảng kê mua bán hàng hóa (*chứng từ bị can đã ký mạo tên khách hàng và óp chữ ký của khách hàng phô tô lại*) trước khi chuyển hồ sơ đến bộ phận kế toán để giải ngân; không đăng ký nhắc nợ tự động đối với Tài khoản vay không về điện thoại của khách hàng; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, T vẫn tin trên hệ thống phần mềm TPSS của Ngân hàng thấy tài khoản thanh toán của 13 khách hàng ít sử dụng hoặc có khách hàng có 2 tài khoản và không đăng ký biến động số dư về điện thoại, T đã nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản đó để trả lãi tự động hàng tháng. Ngoài ra, bị can đã lợi dụng mật khẩu User của giao dịch viên NLQ29, NLQ30 truy cập vào hệ thống phần mềm TPSS để mở không thêm tài khoản thanh toán thứ 2 của 12 khách hàng để trả lãi cho khoản tiền giải ngân không qua tài khoản này (*việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng là nhiệm vụ và chỉ có giao dịch viên mới được thực hiện*). Bằng hình thức này, khách hàng không phát hiện số tiền dư nợ tại Ngân hàng hoặc mức trả lãi hàng tháng cao bất thường.

Với các thủ đoạn nêu trên, từ ngày 14/2/2020 đến 30/6/2020, bị cáo đã 30 lần lập hồ sơ giải ngân không của 25 khách hàng để chiếm đoạt tổng số tiền **12.530.000.000 đồng**. Cụ thể từng lần giải ngân, như sau:

1. Khách hàng NLQ1: SN 1962, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh hàng tạp hóa, hạn mức tín dụng là 1.600.000.000đ (*Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay ngày 18/12/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. T đã 02 lần lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 700.000.000đ, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 14/02/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Bà NLQ1 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho bà Vũ Thị H, SN1990, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, số tài khoản (STK) xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà Vũ Thị H chuyển số tiền trên đến STK xxx của Phạm Thị Tuyết L, trú tại: Tổ x, phường M, TP. H để trả nợ tiền vay của bà Phạm Thị Tuyết L.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 517.095.890đ, trong đó: Tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi 17.095.890đ.

- Lần 2: Ngày 19/5/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Bà NLQ1 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) để chuyển khoản trả tiền mua hàng của bà Triệu Thị H, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà Triệu Thị H rút 200.000.000đ tiền mặt đưa cho T. Trong ngày, T dùng số tiền này để trả nợ cho bà Hoàng Thị N, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 203.454.795đ, trong đó: Tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 3.454.795đ.

2. Khách hàng NLQ2: SN 1975, trú tại: Tổ x, phường M, thành phố H vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh mua bán phụ tùng ô tô, sửa chữa ô tô, hạn mức tín dụng là 3.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 02/4/2019*), mức lãi suất 8,75%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. T đã 02 lần lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 1.100.000.000đ (*Một tỷ, một trăm triệu đồng*), cụ thể:

- Lần 1: Ngày 06/3/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Ông NLQ2 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 900.000.000đ (*Chín trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền mua phụ tùng ô tô cho bà Nguyễn Thị V, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà V chuyển khoản số tiền trên cho bà Hoàng Thị N, STK xxx để trả tiền vay của bà N.

Ngày 28/7/2020, T khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng là 930.109.589đ, trong đó: Tiền gốc 900.000.000đ, tiền lãi 30.109.589đ.

- Lần 2: Ngày 30/3/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Ông NLQ2 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền mua phụ tùng ô tô cho bà Nguyễn Thị V (*địa chỉ như trên*). Sau đó, T nhờ bà V chuyển khoản số tiền trên đến STK xxx của ông Hà Văn T, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y để trả tiền vay của ông NLQ3, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y. Do ông NLQ3 đang nợ ông Hà Văn T 200.000.000đ tiền di chuyển cột điện, nên ông NLQ3 đã cung cấp số tài khoản của ông Hà Văn T để T chuyển tiền vào tài khoản đó.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 205.753.425đ, trong đó: Tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 5.753.425đ.

3. Khách hàng NLQ3: SN 1977, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh sản xuất cơ khí, bán hàng thương nghiệp, hạn mức tín dụng là 4.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 25/3/2020*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 26/3/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ3 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản trả tiền mua hàng nhôm, kính, inox, cơ khí của ông Khổng Văn S, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ ông S chuyển khoản số tiền trên đến

STK xxx của bà Nguyễn Thị T, trú tại: Tổ x, phường M, thành phố H để trả nợ cho bà Nguyễn Thị T.

T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 408.503.068đ, trong đó: Ngày 02/6/2020, trả tiền gốc 154.000.000đ; ngày 25/8/2020, trả tiền gốc 246.000.000đ và 8.503.068đ tiền lãi.

4. Khách hàng NLQ4: SN 1972, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh đồ mộc, inox, mái tôn, hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 04/12/2019*), mức lãi suất 8,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 30/3/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), với nội dung: Ông NLQ4 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho bà Hoàng Thị N, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà N rút tiền mặt đưa cho T để T nộp tiền vào STK xxx của NLQ31, trú tại: số x, đường Y, phường V, quận T, TP.Hà Nội để cho NLQ31 vay.

T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 515.649.315đ, trong đó: Ngày 10/8/2020, trả tiền gốc 20.000.000đ; ngày 24/8/2020, trả tiền gốc 480.000.000đ và 15.649.315đ tiền lãi.

5. Khách hàng NLQ5: SN 1969, trú tại: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh thức ăn chăn nuôi, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 02/5/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 03/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Bà NLQ5 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi của ông Lưu Văn T, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ ông Lưu Văn T chuyển khoản số tiền trên đến STK xxx của Phạm Thị Tuyết L để trả nợ cho bà L.

Ngày 29/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng là 306.215.068đ, trong đó: Tiền gốc 300.000.000đ, tiền lãi 6.215.068đ.

6. Khách hàng NLQ6: SN 1973, trú tại: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh vật tư vật liệu xây dựng, hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 03/4/2020*), mức lãi suất 7,0%/năm và tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 08/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ6 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng của bà Phạm Thị H, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà H rút tiền mặt 400.000.000đ đưa cho T để T nộp tiền vào tài khoản của mình, STK xxx, sau đó chuyển khoản cho NLQ31 vay qua STK xxx.

Ngày 16/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 407.594.521đ, trong đó: Tiền gốc 400.000.000đ, tiền lãi 7.594.521đ.

7. Khách hàng NLQ7: SN 1974, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh hàng tạp hóa, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số x, ngày 14/11/2019*), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 09/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 460.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Bà NLQ7 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Vũ Thị H STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. T nhờ bà Vũ Thị H chuyển khoản số tiền này đến STK xxx của bà Hoàng Thị N và nhờ bà N rút tiền mặt đưa cho T, sau đó T nộp số tiền này vào STK xxx để chuyển cho NLQ31 vay qua STK xxx.

Ngày 10/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 467.042.192đ, trong đó: Tiền gốc 460.000.000đ, tiền lãi 7.042.192đ.

8. Khách hàng NLQ8: SN 1979, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh loa đài, thiết bị âm thanh, đồ gỗ, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 28/2/2020*), mức lãi suất 8,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 09/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ8 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Hoàng Thị N, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà N rút tiền mặt đưa cho T, rồi T nộp số tiền này vào STK xxx của mình để chuyển cho NLQ31 vay qua STK xxx.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 358.438.356đ, trong đó: Tiền gốc 350.000.000đ, tiền lãi 8.438.356đ.

9. Khách hàng NLQ9: SN 1967, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh chăn nuôi gia cầm, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 15/10/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 10/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Bà NLQ9 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của ông Lưu Văn T, STK xxx. Sau đó, T nhờ ông Lưu Văn T chuyển khoản số tiền trên cho Mai Thị Bình Đ, STK xxx và nhờ bà Đ rút tiền mặt đưa cho T, sau đó T dùng số tiền này trả nợ Phạm Thị Tuyết L.

T đã khắc phục toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng là 378.065.342đ, trong đó: Ngày 29/7/2020, trả tiền gốc 200.000.000đ; ngày 25/8/2020, trả tiền gốc 170.000.000đ và 8.065.342đ tiền lãi.

10. Khách hàng NLQ10: SN 1969, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh âm thanh loa đài, đồ điện gia dụng, hạn mức tín dụng là 800.000.000đ (*Hợp đồng cho vay hạn mức số xxx*

ngày 15/4/2020), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Bị cáo đã 02 lần lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 750.000.000đ (*Bảy trăm, năm mươi triệu đồng*), cụ thể:

- Lần 1: Ngày 16/4/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Ông NLQ10 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà NLQ22, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ bà NLQ22 rút tiền mặt đưa cho T. Trong ngày, T đã sử dụng số tiền này để trả nợ (*tiền mặt*) 200.000.000đ cho bà Hoàng Thị N và nộp 100.000.000đ vào tài khoản của mình, STK xxx để chuyển cho NLQ31 vay qua STK xxx.

T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là: 307.432.192đ, trong đó: Ngày 17/6/2020, trả tiền gốc 50.000.000đ; ngày 25/8/2020, trả tiền gốc 250.000.000đ và 7.432.192đ tiền lãi.

- Lần 2: Ngày 21/4/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm, năm mươi triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ10 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của ông Phạm Văn D, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ ông D rút tiền mặt đưa cho T. Trong ngày, T nộp 450.000.000đ vào STK xxx của mình rồi chuyển đến STK xxx của Phạm Thị Tuyết L để trả nợ.

Ngày 17/6/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 454.919.178đ, trong đó: Tiền gốc 450.000.000đ, tiền lãi 4.919.178đ.

11. Khách hàng NLQ11: SN 1955, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh đồ gỗ, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 10/6/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 27/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ11 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Hoàng Thị N, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà N rút tiền mặt đưa cho T để T trả nợ cho Phạm Thị Tuyết L.

Ngày 16/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 202.849.315đ, trong đó: Tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 2.849.315đ.

12. Khách hàng NLQ12: SN 1987, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh vật liệu xây dựng, hạn mức tín dụng là 2.300.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 28/4/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm và tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 28/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 1.700.000.000đ (*Một tỷ, bảy trăm triệu đồng*), chứng từ giải ngân thể hiện: Bà NLQ12 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng của ông Nguyễn Đức C, STK xxx, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V. T sử dụng số tiền chiếm đoạt như sau:

- Nhờ ông C chuyển số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) cho bà Phạm Thị Mai P, STK xxx, trú tại: Tổ x, phường P, thành phố H để trả nợ cho bà P.

- Nhờ ông C rút tiền mặt 700.000.000đ đưa cho T để T nộp tiền vào STK xxx. Sau đó, T chuyển khoản 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) cho NLQ31 vay qua STK xxx, chuyển khoản 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) trả nợ NLQ27 qua STK xxx, chuyển khoản 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) trả nợ Lê Thị Bích N, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx.

Ngày 17/7/2020, T khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng, là: 1.722.716.164đ, trong đó: Tiền gốc 1.700.000.000đ; tiền lãi 22.716.164đ.

13. Khách hàng NLQ13: SN 1959, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, hạn mức tín dụng là 1.500.000.000đ (hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 29/8/2019), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 29/4/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), chứng từ giải ngân thể hiện: Bà NLQ13 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của ông Lưu Văn T, STK xxx. Sau đó, T nhờ ông Lưu Văn T chuyển khoản số tiền trên cho Phạm Thị Tuyết L, STK xxx, để trả nợ cho bà L.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 511.219.178đ, trong đó: Tiền gốc 500.000.000đ và tiền lãi 11.219.178đ.

14. Khách hàng NLQ14: SN 1988, trú tại: Thôn B, xã L, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh hàng tạp hóa, tạp phẩm, hạn mức tín dụng là 650.000.000đ (hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 28/4/2020), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford Range. Ngày 04/5/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ14 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Mai Thị Bình Đ, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà Đ rút tiền mặt đưa cho T và T nộp tiền vào tài khoản xxx của mình để chuyển khoản trả nợ cho những người sau: Phạm Thị Tuyết L, STK xxx, 27.000.000đ; NLQ27, STK xxx, 20.000.000đ và Nguyễn Văn G, STK xxx, 93.000.000đ.

Ngày 25/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 143.033.973đ, trong đó: Tiền gốc 140.000.000đ, tiền lãi 3.033.973đ.

15. Khách hàng NLQ15: SN 1976, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh mặt hàng điện nước, hàng sắt, hạn mức tín dụng là 500.000.000đ (hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 07/5/2020), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 07/5/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), chứng từ giải ngân thể hiện: Ông NLQ15 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Đinh Thị Minh T, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà Đinh Thị Minh T

rút tiền mặt 500.000.000đ đưa cho T và T nộp tiền vào STK xxx của mình để chuyển khoản trả nợ cho bà Phạm Thị Tuyết L, STK xxx.

Ngày 25/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 510.547.945đ, trong đó: Tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi 10.547.945đ.

16. Khách hàng NLQ16: SN 1966, trú tại tổ x, thị trấn V, huyện V có vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh mua, bán cho thuê xe máy, với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000đ (*Hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 11/3/2020*), mức lãi suất 7,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 15/5/2020, T đã lập 02 hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), cụ thể:

- Lần 1: T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Ông NLQ16 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền hàng của ông Đỗ Hữu P, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. Sau đó, T nhờ ông P rút số tiền trên đưa cho T và T nộp tiền mặt vào STK xxx của mình để chuyển khoản cho NLQ31 vay, qua STK xxx.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 306.226.027đ, trong đó: Tiền gốc 300.000.000đ; tiền lãi 6.226.027đ.

- Lần 2: T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Ông NLQ16 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền hàng của ông Phùng Minh T, trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện V, STK xxx mở tại Ngân hàng C Hà Giang. T nhờ ông Phùng Minh T chuyển khoản số tiền trên đến STK xxx của T để chuyển cho NLQ31 vay qua STK xxx.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 306.226.027đ, trong đó: Tiền gốc 300.000.000đ; tiền lãi 6.226.027đ.

17. Khách hàng NLQ17: SN 1979, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh giết mổ gia súc, thực phẩm tươi sống, hạn mức tín dụng là 300.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 15/11/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 01/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), với nội dung: Ông NLQ17 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua gia súc, thực phẩm tươi sống cho Lê Quang Đ, trú tại thôn K, xã N, huyện V, STK xxx. Sau đó, T nhờ ông Đ chuyển khoản số tiền trên cho Nguyễn Lê Phương A, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, STK xxx để trả nợ.

Ngày 25/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là: 152.270.548đ, trong đó: Tiền gốc 150.000.000đ, tiền lãi 2.270.548đ.

18. Khách hàng NLQ18: SN 1980, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh mặt hàng xe đạp các loại, hạn mức tín dụng là 800.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 02/1/2020*), mức lãi suất 8,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày

01/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*), với nội dung: Bà NLQ18 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua xe đạp của Ngô Thị H, STK xxx. Số tiền giải ngân không này, T trả nợ cho Nguyễn Thị T (*bà Ngô Thị H là em dâu bà Nguyễn Thị T, số tài khoản của Ngô Thị H là do bà Nguyễn Thị T cung cấp*) để T chuyển trả tiền. Sau khi nhận tiền trong tài khoản, Ngô Thị H đã đưa tiền mặt 100.000.000đ cho bà Nguyễn Thị T.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 101.249.315đ, trong đó: Tiền gốc 100.000.000đ; tiền lãi 1.249.315đ.

19. Khách hàng NLQ19: SN 1982, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh dịch vụ ăn uống, hạn mức tín dụng là 290.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 27/5/2020*), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 01/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*), với nội dung: Ông NLQ19 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền chi phí phục vụ kinh doanh ăn uống cho bà Mai Thị Bình Đ, STK xxx. T đã sử dụng số tiền đã chiếm đoạt như sau:

- T mượn điện thoại của bà Đ để chuyển khoản số tiền 100.000.000đ cho Nông Thị Bích T, STK xxx, trú tại: Tổ x, phường T, thành phố H qua phần mềm IPAY để trả nợ tiền vay của NLQ27 (*trước đó bà NLQ27 đã vay tiền của bà Nông Thị Bích T để cho T vay lại nên bà NLQ27 cung cấp số tài khoản của bà Nông Thị Bích T để T chuyển khoản, bù trừ tiền vay*).

- Số tiền còn lại 20.000.000đ, T nhờ bà Đ rút tiền mặt đưa cho T, sau đó T trả nợ cho Phạm Thị Tuyết L.

Ngày 25/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng, là 121.956.164đ, trong đó: Tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi 1.956.164đ.

20. Khách hàng NLQ20: SN 1984, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh sửa chữa, mua bán xe máy, hạn mức tín dụng là 400.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 06/8/2020*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 03/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), với nội dung: Bà NLQ20 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua xe máy của Đỗ Hữu P, STK xxx. Sau đó, T nhờ ông P chuyển khoản số tiền này cho bà Phạm Thị M, STK xxx, trú tại: Tổ x, phường M, thành phố H để trả nợ cho bà M.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng, là 151.469.178đ, trong đó: Tiền gốc 150.000.000đ; tiền lãi 1.469.178đ.

21. Khách hàng NLQ21: SN 1972, trú tại: Thôn Q, xã N, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh giày dép, chăn nuôi, hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 24/4/2020*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 09/6/2020, T đã

lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), với nội dung: Ông NLQ21 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua giày dép cho bà Ngô Thị H, trú tại: Tổ x, phường P, thành phố H, STK xxx. Số tiền giải ngân không này, T trả nợ cho bà Nguyễn Thị T (*bà Nguyễn Thị T cung cấp số tài khoản của Ngô Thị H để T chuyển tiền*). Sau đó, bà Ngô Thị H đã chuyển khoản 600.000.000đ này cho bà Nguyễn Thị T qua STK xxx của ông Hà Sơn H (*chồng bà Nguyễn Thị T*).

Ngày 10/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 603.312.329đ, trong đó: Tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi 3.312.329đ.

22. Khách hàng NLQ22: SN 1970, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh thương nghiệp tổng hợp, hạn mức tín dụng là 5.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 28/6/2019*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 09/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 640.000.000đ (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*), với nội dung: Bà NLQ22 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền hàng của bà Phạm Thị Mai P, STK xxx. Số tiền giải ngân không này, T trả nợ cho bà P.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 643.900.000đ, trong đó: Tiền gốc 640.000.000đ, tiền lãi 3.900.000đ.

23. Khách hàng NLQ23: SN 1977, trú tại: SN x, đường H, thuộc tổ x, phường P, thành phố H vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh thương nghiệp, điện nước, văn phòng phẩm, giày dép, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000đ (*Hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 07/5/2020*), mức lãi suất 7,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. T đã lập 02 hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 850.000.000đ (*Tám trăm, năm mươi triệu đồng*), cụ thể:

- Lần 1: Ngày 10/6/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Bà NLQ23 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền hàng của bà Hoàng Thị N, STK xxx. Số tiền giải ngân không này, T trả nợ cho bà N.

Ngày 29/7/2020 T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 507.043.835đ, trong đó: Tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi 7.043.835đ. Tuy nhiên, lần khắc phục này, T nộp nhầm vào tài khoản vay số xxx, ngày 22/5/2020 (*khoản vay thực tế*) của bà NLQ23. Việc này, T đã trao đổi và bà NLQ23 nhất trí thanh toán khoản giải ngân không 500.000.000đ ngày 10/6/2020 tại ngân hàng.

- Lần 2: Ngày 12/6/2020, T lập hồ sơ giải ngân không, với nội dung: Bà NLQ23 nhận nợ tại Ngân hàng số tiền 350.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Phạm Thị H, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà Phạm Thị H chuyển khoản số tiền trên cho bà Hoàng Thị N, STK xxx để T trả nợ cho bà N.

T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 354.818.493đ, trong đó: Ngày 29/7/2020, trả tiền gốc 100.000.000đ; ngày 26/8/2020 trả tiền gốc 250.000.000đ, tiền lãi 4.818.493đ.

24. Khách hàng NLQ24: SN 1985, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh hàng tạp hóa, hạn mức tín dụng là 1.000.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 15/6/2020*), mức lãi suất 6,5%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 15/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), với nội dung: Bà NLQ24 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng của bà Mai Thị Bình Đ, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà Đ rút tiền mặt đưa cho T và T dùng số tiền này để trả nợ tiền cho bà Hoàng Thị N.

Ngày 28/7/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng, là 352.886.301đ, trong đó: Tiền gốc 350.000.000đ, tiền lãi 2.886.301đ.

25. Khách hàng NLQ25: SN 1957, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V vay vốn tại Ngân hàng C Hà Giang để kinh doanh mặt hàng ga, bếp ga, đồ dùng gia đình, hạn mức tín dụng là 800.000.000đ (*hợp đồng cho vay hạn mức số xxx, ngày 11/6/2020*), mức lãi suất 7,0%/năm, tài sản thế chấp là bất động sản. Ngày 30/6/2020, T đã lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), với nội dung: Ông NLQ25 nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng cho bà Phạm Thu N, trú tại: Tổ x, phường P, thành phố H, STK xxx. Sau đó, T nhờ bà N chuyển khoản số tiền 600.000.000đ cho Phạm Thu H, STK xxx, trú tại: Tổ x, phường M, thành phố H, để trả nợ cho bà H.

Ngày 24/8/2020, T đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng là 606.328.767đ, trong đó: Tiền gốc 600.000.000đ, tiền lãi 6.328.767đ.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 22/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu T về tội "**Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản**" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu T khai nhận: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quy trình giải ngân vốn vay của Ngân hàng C đối với khách hàng, lợi dụng lòng tin của khách hàng, người thụ hưởng và đồng nghiệp trong ngân hàng thực hiện hành vi phạm tội là lập hồ sơ giải ngân không để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng C Chi nhánh Hà Giang. Từ ngày 14/2/2020 đến 30/6/2020 bị cáo đã 30 lần lập hồ sơ giải ngân không của 25 khách hàng để chiếm đoạt tổng số tiền **12.530.000.000đ** (*Mười hai tỷ năm trăm ba mươi triệu đồng*). Số tiền chiếm đoạt được bị cáo sử dụng trả nợ và cho vay. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo khắc phục hậu quả bằng việc trả lại toàn bộ số tiền cho Ngân hàng (*tiền gốc + lãi*) trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án với số tiền là **12.758.326.490 đồng** (*Mười hai tỷ, bảy trăm năm tám triệu, ba trăm hai sáu nghìn, bốn trăm chín mươi đồng*), trong đó: Tiền gốc **12.530.000.000đ**; tiền lãi **228.326.490 đồng**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: NLQ4, NLQ6, NLQ21, NLQ22, NLQ24 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà NLQ22 đề nghị cần xem xét trách nhiệm của các lãnh đạo Ngân hàng C chi nhánh Hà Giang để xảy ra sự việc bị cáo T chiếm đoạt số tiền lớn của Ngân hàng trong một thời gian dài; về việc vay tiền của Ngân hàng C, bà NLQ22 sẽ về rà soát, đối chiếu lại nếu sai sót thì bà NLQ22 sẽ có ý kiến đề nghị giải quyết trong vụ án khác.

Bà NLQ28, ông NLQ26 trình bày, bị cáo T thực hiện hành vi làm không chứng từ trong khoảng thời gian từ ngày 14/2/2020 đến ngày 30/6/2020 chiếm đoạt số tiền 12.530.000.000 đồng; đến đầu tháng 7/2020 ông NLQ26 đã phát hiện ra ngay và tiến hành kiểm tra, đối chiếu, ngày 13/7/2020 ông NLQ26 đã có văn bản báo cáo với lãnh đạo Ngân hàng C, chi nhánh Hà Giang; đồng thời Ngân hàng đã làm đơn tố giác tội phạm đến Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang; kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của bị cáo và thu hồi tiền bị cáo T chiếm đoạt của Ngân hàng trước khi Cơ quan điều tra khởi tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu luận tội, phân tích về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T từ 13 đến 14 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/9/2020.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự, cấm đảm nhiệm công việc liên quan đến tài chính ngân hàng đối với bị cáo Lê Thị Thu T thời hạn từ 01 đến 02 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; không áp dụng hình phạt tiền và tịch thu tài sản đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động.

5. Án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Phát biểu quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo T; nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, xử lý vật chứng, án phí; bị cáo T phạm tội chiếm đoạt số tiền 12.530.000.000 đồng của Ngân hàng C, chi nhánh Hà Giang, song bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt bằng cách bán tài sản là ngôi nhà duy nhất, nơi bị cáo và gia đình sinh hoạt và duy trì cuộc sống hàng ngày, đồng thời bị cáo tiếp tục đi vay mượn và huy động người thân, cán bộ cơ quan giúp đỡ để khắc phục 100% thiệt hại cho Ngân hàng; bị cáo sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống cách mạng; có nhân thân tốt, có nhiều thành tích và cống hiến cho ngành Ngân

hàng C và đã được tặng thưởng Bằng khen, giấy khen, các danh hiệu thi đua hàng năm; trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các khách hàng đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt với mức thấp nhất cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sớm trở về với cộng đồng và gia đình để phụng dưỡng bố mẹ và xây dựng lại cuộc sống của bản thân; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo T mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Phản tranh luận: Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên, nội dung bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, được xin lỗi và cảm ơn tập thể lãnh đạo, cán bộ Ngân hàng C chi nhánh Hà Giang, các khách hàng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Luật sư trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Hà Giang, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người vắng mặt không có lý do; sau khi có ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác; Hội đồng xét xử thảo luận, xét thấy đại diện bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có các lời khai trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến đề nghị gì về bồi thường thiệt hại, không ảnh hưởng đến quá trình xét xử; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, phiên tòa tiếp tục được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa (BL558-624), đơn tố giác tội phạm (BL 01); Kết luận giám định (BL 336-338); Biên bản thực nghiệm điều tra (BL 304-305) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Lê Thị Thu T là cán bộ quan hệ khách hàng bán lẻ (*Cán bộ tín dụng*) tại Phòng giao dịch V thuộc Ngân hàng C Chi nhánh Hà Giang, đã lợi dụng sơ hở trong quy trình giải ngân vốn vay của Ngân hàng C đối với khách hàng, lợi dụng lòng tin của khách hàng,

người thụ hưởng và các đồng nghiệp trong ngân hàng nơi bị cáo làm việc; từ ngày 14/02/2020 đến ngày 30/6/2020 bị cáo đã thực hiện hành vi lập hồ sơ giải ngân khống để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng C Chi nhánh Hà Giang số tiền **12.530.000.000 đồng**.

[4] Các thủ đoạn bị cáo Lê Thị Thu T thực hiện như sau: Qua theo dõi hồ sơ vay vốn của khách hàng, T biết khách hàng không vay hết hạn mức tín dụng được cấp, lợi dụng sự tin tưởng của khách hàng đối với bị cáo và biết được tâm lý của khách hàng khi vay vốn mong muốn thủ tục nhanh gọn mà không quan tâm đến các quy định của pháp luật liên quan đến những chứng từ, tài liệu phải ký xác nhận tại Ngân hàng, nên khi khách hàng đến làm thủ tục vay vốn hoặc nhận nợ tại ngân hàng, T đã cho khách hàng ký khống giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi. Sau khi có chữ ký khống của khách hàng (*Riêng khách hàng NLQ22, T tự ký mạo chữ ký của bà NLQ22 trên Giấy nhận nợ và ủy nhiệm chi*), T đã 30 lần lập hồ sơ giải ngân khống, với nội dung: Khách hàng nhận nợ tại Ngân hàng để chuyển khoản trả tiền hàng cho bên bán hàng (*Người thụ hưởng cũng là khách hàng của Ngân hàng, T quen biết và có kinh doanh mặt hàng tương tự như khách hàng mà T lập hồ sơ giải ngân khống*). Cách thức lập hồ sơ giải ngân khống, như sau: T đánh máy nội dung nhận nợ của khách hàng trên máy tính và dùng tờ giấy nhận nợ đã có chữ ký khống của khách hàng ở mặt sau để in nội dung mặt trước lên giấy nhận nợ; lập biên bản kiểm tra đối tượng giải ngân (*T ký tên và ký mạo chữ ký của khách hàng*); lập bảng kê mua bán hàng hóa, sau đó phô tô ộp chữ ký của khách hàng và người thụ hưởng rồi ký xác nhận, đóng dấu đã đối chiếu với bản gốc; sau đó, T đem 04 loại chứng từ này trình Trưởng phòng giao dịch (*Ông NLQ26 hoặc bà NLQ27*) ký duyệt và chuyển sang bộ phận kế toán để hạch toán giải ngân. Trong 25 hồ sơ khách hàng giải ngân khống có 2 hồ sơ giải ngân thuộc thẩm quyền chi nhánh (*Bà NLQ28 - Phó Giám đốc Ngân hàng C Hà Giang ký giấy nhận nợ*). Căn cứ nội dung giấy nhận nợ, giao dịch viên kế toán (*NLQ29 hoặc NLQ30*) đã sử dụng phần mềm hỗ trợ khách hàng đánh máy các nội dung liên quan đến việc khách hàng thanh toán tiền hàng rồi in ủy nhiệm chi, ký xác nhận và chuyển cho ông Phạm Văn B là Phó Trưởng phòng giao dịch kiểm tra, ký duyệt để chuyển khoản.

[5] Để khách hàng và những người có trách nhiệm trong Ngân hàng không phát hiện hành vi phạm tội của mình, sau khi Trưởng phòng giao dịch ký duyệt giấy nhận nợ, T đã hủy biên bản kiểm tra đối tượng giải ngân và bảng kê mua bán hàng hóa (*Chứng từ T đã ký mạo tên khách hàng và ộp chữ ký của khách hàng phô tô lại*) trước khi chuyển hồ sơ đến bộ phận kế toán để giải ngân; không đăng ký nhắc nợ tự động đối với Tài khoản vay khống về điện thoại của khách hàng; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, T vẫn tin trên hệ thống phần mềm TPSS của Ngân hàng thấy tài khoản thanh toán của 13 khách hàng ít sử dụng hoặc có khách hàng có 2 tài khoản và không đăng ký biến động số dư về điện thoại, T đã nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản đó để trả lãi tự động hàng tháng. Ngoài ra, T đã lợi dụng mật khẩu User của giao dịch viên NLQ29, NLQ30 truy cập vào hệ thống phần mềm TPSS để mở khống

thêm tài khoản thanh toán thứ 2 của 12 khách hàng để trả lãi cho khoản tiền giải ngân không qua tài khoản này (*Việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng là nhiệm vụ và chỉ có giao dịch viên mới được thực hiện*). Bảng hình thức này, khách hàng không phát hiện số tiền dư nợ tại Ngân hàng hoặc mức trả lãi hàng tháng cao bất thường.

[6] Từ ngày 14/2/2020 đến 30/6/2020 bị cáo đã 30 lần lập hồ sơ giải ngân không của 25 khách hàng để chiếm đoạt tổng số tiền **12.530.000.000 đ** (*Mười hai tỷ, năm trăm ba mươi triệu đồng*), cụ thể làm không chứng từ đối với từng khách hàng và chiếm đoạt số tiền của Ngân hàng C như sau: (1) NLQ1, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 700.000.000 đồng; (2) NLQ2, trú tại: Tổ x, phường M, thành phố H, số tiền 1.100.000.000 đồng; (3) NLQ3, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y số tiền 400.000.000 đồng; (4) NLQ4, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V, số tiền 500.000.000 đồng; (5) NLQ5, trú tại: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V số tiền 300.000.000 đồng; (6) NLQ6, trú tại: Tổ x, thôn V, xã V, huyện V số tiền 400.000.000 đồng; (7) NLQ7, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 460.000.000 đồng; (8) NLQ8, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 350.000.000 đồng; (9) NLQ9, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 370.000.000 đồng; (10) NLQ10, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 750.000.000 đồng; (11) NLQ11, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 200.000.000 đồng; (12) NLQ12, trú tại: Tổ x, thị trấn Y, huyện Y số tiền 1.700.000.000 đồng; (13) NLQ13, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 500.000.000 đồng; (14) NLQ14, trú tại: Thôn B, xã L, huyện V số tiền 140.000.000 đồng; (15) NLQ15, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 500.000.000 đồng; (16) NLQ16, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 600.000.000 đồng; (17) NLQ17, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 150.000.000 đồng; (18) NLQ18, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 100.000.000 đồng; (19) NLQ19, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 120.000.000 đồng; (20) NLQ20, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 150.000.000 đồng; (21) NLQ21, trú tại: Thôn Q, xã N, huyện V số tiền 600.000.000 đồng; (22) NLQ22, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 640.000.000 đồng; (23) NLQ23, trú tại: SN x, đường H, tổ y, phường P, thành phố H số tiền 850.000.000 đồng; (24) NLQ24, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 350.000.000 đồng; (25) NLQ25, trú tại: Tổ x, thị trấn V, huyện V số tiền 600.000.000 đồng.

[7] Số tiền **12.530.000.000 đồng** bị cáo chiếm đoạt, T đã sử dụng để trả nợ cho 12 người T đã vay, cụ thể: (1) Chuyển khoản cho NLQ31 vay số tiền 3.010.000.000 đồng; (2) trả nợ bà Phạm Thị Tuyết L số tiền 2.867.000.000 đồng; (3) trả nợ bà Hoàng Thị N số tiền 2.500.000.000 đồng; (4) trả nợ bà Phạm Thị Mai P số tiền 1.640.000.000 đồng; (5) trả nợ Nguyễn Thị T số tiền 1.100.000.000 đồng; (6) trả nợ Phạm Thu H số tiền 600.000.000 đồng; (7) trả nợ NLQ3 số tiền 200.000.000 đồng; (8) trả nợ NLQ27 số tiền 190.000.000 đồng; (9) trả nợ Nguyễn Lê Phương A số tiền 150.000.000đ; (10) trả nợ Phạm Thị M

số tiền 150.000.000 đồng; (11) trả nợ Nguyễn Văn G số tiền 93.000.000 đồng; (12) trả nợ Lê Thị Bích N số tiền 30.000.000 đồng.

[8] Bị cáo Lê Thị Thu T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có thời gian công tác trong ngành Ngân hàng gần 10 năm, có trình độ năng lực chuyên môn và nắm rõ các quy định của Ngân hàng trong quy trình giải ngân vốn vay của Ngân hàng C đối với khách hàng, bị cáo đã không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, cố ý làm trái công vụ; lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện 30 lần làm khống hồ sơ giải ngân của 25 khách hàng để chiếm đoạt số tiền **12.530.000.000 đồng**. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, vì mục đích vụ lợi, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản và hoạt động đúng đắn, uy tín của Ngân hàng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo Lê Thị Thu T đã phạm tội "**Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản**" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt "**Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên**", có khung hình phạt tù từ 20 năm đến chung thân; Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[9] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2020 đến ngày 30/6/ 2020, bị cáo T đã thực hiện 30 lần lập chứng từ khống để chiếm đoạt số tiền **12.530.000.000 đồng**, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự "**Phạm tội 2 lần trở lên**".

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi, Ngân hàng C Hà Giang có đơn tố giác tội phạm, bị cáo đã ra đầu thú toàn bộ hành vi phạm tội của mình (*Nêu trong đơn tố giác tội phạm đề ngày 30/7/2020 gửi đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang*); bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền **12.530.000.000 đồng** chiếm đoạt của Ngân hàng trong quá trình giải quyết tố giác tội phạm (*Trước khi khởi tố vụ án*) và tiền lãi là **228.326.490 đồng** bằng cách bán toàn bộ tài sản là ngôi nhà duy nhất của bị cáo và gia đình sử dụng để ở, duy trì cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, huy động từ người thân, bạn bè giúp đỡ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra về việc cung cấp các tài liệu chứng cứ trong suốt quá trình điều tra vụ án; có nhân thân tốt, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen và các danh hiệu thi đua Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở của Ngân hàng C; được đại diện bị hại là Ngân hàng C Chi nhánh Hà Giang cùng nhiều khách hàng có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có bố đẻ (*Ông NLQ33*) là người có công với cách mạng được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3 trong cuộc chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc năm 1979; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt: Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt liền kề để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật mà tu dưỡng rèn luyện bản thân trong thời gian chấp hành hình phạt tù.

[12] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự quy định " Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bị cáo T chức vụ là cán bộ tín dụng; cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến tài chính, ngân hàng đối với bị cáo Lê Thị Thu T thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Về hình phạt tiền, sau khi phạm tội, bị cáo và gia đình đã bán hết toàn bộ tài sản là ngôi nhà và các tài sản khác để bồi thường khắc phục hậu quả; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Toàn bộ số tiền T chiếm đoạt, bị cáo đã khắc phục xong 100% thể hiện như sau: Trước thời điểm Ngân hàng C có đơn tố giác (Ngày 04/8/2020), nộp tiền gốc 7.824.000.000 đồng; từ ngày 04/8/2020 đến trước thời điểm khởi tố vụ án (Ngày 03/9/2020) nộp tiền gốc 4.706.000.000đ; nộp tiền lãi phát sinh từ thời điểm giải ngân không đến trước khi bị khởi tố, số tiền lãi là 228.326.490đ. Tổng số tiền đã khắc phục là **12.758.326.490 đồng** (Mười hai tỷ, bảy trăm năm tám triệu, ba trăm hai sáu nghìn, bốn trăm chín mươi đồng), trong đó: Tiền gốc **12.530.000.000 đồng**; tiền lãi **228.326.490 đồng**. Về phía bị hại không yêu cầu xem xét là đúng quy định của pháp luật.

[14] Ngoài số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng (T đã khắc phục), T còn vay tổng số tiền gốc là 10.030.000.000 đồng (Mười tỷ, không trăm ba mươi triệu đồng) của 09 cá nhân gồm: (1) Nguyễn Thị T 3.850.000.000đ; (2) Phạm Đình Q 2.350.000.000đ; (3) Lê Thị Bích N 600.000.000đ; (4) Nguyễn Văn G 1.300.000.000đ; (5) Trần Thị N 500.000.000đ; (6) Triệu Thị H 500.000.000đ; (7) Vũ Xuân T 180.000.000đ; (8) NLQ22 250.000.000đ; (9) NLQ27 500.000.000đ. Các cá nhân nêu trên cho T vay với mức lãi suất giao động khoảng từ 1% – 1,5%/tháng, một số trường hợp cho T vay không lãi suất. Việc vay tiền giữa T với 09 cá nhân nêu trên là giao dịch dân sự, tự nguyện giữa các bên, số tiền này không liên quan đến vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra không nhận được đơn tố giác liên quan đến nội dung vụ án, nên không xem xét giải quyết trong vụ án. Sau này 09 cá nhân trên có đơn yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết trong một vụ án khác.

[15] Vật chứng: Đồ vật, tài liệu thu giữ của bị cáo Lê Thị Thu T và thu giữ tài liệu của Ngân hàng C chi nhánh Hà Giang:

[16] Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T: 01 (Một) điện thoại OPPO màu đen, đã qua sử dụng, lắp sim số 0988.827.350. Trả lại cho Ngân hàng C Hà Giang các tài liệu không liên quan đến vụ án; những tài liệu liên quan đến vụ án được lưu hồ sơ vụ án.

[17] Vật chứng chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang: Cần áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng như sau: 01 (Một) điện thoại IPHONE 7 plus màu đen, đã qua sử dụng, rạn màn hình, số máy FN482LL/A; số seri: FYQXCOCZHFXW, không lắp sim, không bật được nguồn, không kiểm tra được số máy, số seri và tình trạng hoạt động bên trong của máy, bị cáo T sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội chuyển tiền cho NLQ31 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người T vay tiền; cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[18] Từ những phân tích tại đoạn [3] đến [17], Hội đồng xét xử chấp nhận Luận tội của Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí; quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo T; tuy nhiên Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[19] Trong vụ án này có những tổ chức, cá nhân liên quan đến vụ án, cụ thể như sau:

[20] Đối với 25 khách hàng (Có tên trong đoạn [6]): Để xảy ra việc T lập hồ sơ giải ngân không chiếm đoạt tiền của Ngân hàng có một phần lỗi của 24 khách hàng (*Trừ khách hàng NLQ22*) vì đã ký không giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi để T lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, việc ký không chứng từ là do khách hàng chủ quan, tin tưởng T, hành vi ngay thẳng, không có yếu tố vụ lợi hay tiếp tay cho T, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm của 24 khách hàng trong vụ án này là có căn cứ.

[21] Đối với 18 người thụ hưởng, gồm: Vũ Thị H, Triệu Thị H, Nguyễn Thị V, Khổng Văn S, Lưu Văn T, Phạm Thị H, Hoàng Thị N, NLQ22, Phạm Văn D, Nguyễn Đức C, Mai Thị Bình Đ, Đinh Thị Minh T, Đỗ Hữu P, Phùng Minh T, Lê Quang Đ, Ngô Thị H, Phạm Thị Mai P, Phạm Thu N. Kết quả điều tra, xác định: 18 người thụ hưởng không biết nguồn gốc số tiền giải ngân đến tài khoản của mình (*Không biết đó là tiền mà T chiếm đoạt của Ngân hàng*). Việc chuyển tiền nhờ qua tài khoản hoặc nhờ người khác chuyển khoản trả nợ diễn ra thường xuyên trong đời sống xã hội, mặt khác T là cán bộ Ngân hàng nên khi T nhờ chuyển khoản người thụ hưởng đã tin tưởng và đồng ý giúp đỡ T. Ngoài ra, tại thời điểm nhận tiền trong tài khoản, tin nhắn từ hệ thống Ngân hàng báo biến động số dư trên tài khoản về điện thoại của người thụ hưởng, chỉ có nội dung: Số dư tăng, tên người chuyển tiền đến mà không có thông tin về nguồn gốc số tiền, vì thế người thụ hưởng không phát hiện điều gì bất thường. Trong trường hợp này, người thụ hưởng không có lỗi, không được hưởng bất cứ lợi ích từ gì bị cáo T. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm của 18 người thụ hưởng là có căn cứ.

[22] Đối với 12 người mà T đã sử dụng số tiền chiếm đoạt của ngân hàng để cho vay hoặc trả nợ, gồm: NLQ31, Phạm Thị Tuyết L, Hoàng Thị N, Phạm Thị Mai P, Nguyễn Thị T, Phạm Thị H, Nguyễn Quang H, NLQ27, Nguyễn Lê Phương A, Phạm Thị M, Nguyễn Văn G, Lê Thị Bích N. Kết quả điều tra, xác

định: Những người này, không biết nguồn gốc số tiền T cho vay hoặc trả nợ (*Không biết đó là tiền do phạm tội mà có*). Ngoài ra, việc vay tiền giữa các cá nhân đều thỏa thuận không lãi suất hoặc với mức lãi suất <20%/năm (*Quy định tại Điều 468, Bộ luật Dân sự năm 2015*). Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của 12 người này là đúng quy định của pháp luật.

[23] Đối với NLQ31: Ngoài việc tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, NLQ31 còn bị T tố cáo có hành vi lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 25,8 tỷ đồng thông qua việc hứa hẹn vay tiền để chạy dự án, mở cửa hàng quần áo. T khai toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Ngân hàng T đều chuyển cho NLQ31 vay và trả nợ cho các món vay trước đây mà T đã đứng ra vay hộ NLQ31. Cơ quan điều tra đã giải quyết đơn tố giác của T trong cùng vụ án, kết quả điều tra xác định: Việc T tố cáo NLQ31 lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chưa đủ căn cứ. Ngày 29/3/2021, bị cáo T và NLQ31 đã xác nhận việc vay tiền giữa 02 người là quan hệ giao dịch dân sự, tổng số tiền NLQ31 còn nợ T là 20.310.800.000đ (*Hai mươi tỷ, ba trăm mười triệu, tám trăm nghìn đồng*), hàng tháng NLQ31 cam kết trả cho T số tiền từ 05 đến 20 triệu đồng (*Trả trực tiếp cho bố mẹ đẻ của T*). Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh làm rõ nguồn gốc tài sản của NLQ31, nếu xác định NLQ31 còn tiền và tài sản có giá trị mà không trả nợ cho NLQ31, sẽ xem xét theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu của bị cáo NLQ31 trong một vụ án khác là đúng pháp luật.

[24] Đối với một số cán bộ thuộc Ngân hàng C Hà Giang gồm có: NLQ29 và NLQ30 - Giao dịch viên; Phạm Văn B - Phó Trưởng phòng giao dịch; NLQ26 - Trưởng Phòng giao dịch (*Từ 15/01/2019 đến 30/3/2020 và từ 01/7/2020 đến nay*); NLQ27 - Nguyên Trưởng phòng giao dịch thuộc phòng giao dịch V (*Từ 01/4/2020 đến 30/6/2020*); Trần Thu P - Cán bộ phòng hỗ trợ tín dụng thuộc Chi nhánh; Phạm Đại D - Trưởng phòng Hỗ trợ tín dụng (*Từ tháng 2 đến tháng 6/2020*); NLQ28 - Phó Giám đốc Ngân hàng C chi nhánh Hà Giang (*Phụ trách phòng giao dịch V*) là những người có liên quan trong việc ký duyệt chứng từ giải ngân do T trình ký; tuy nhiên khi T thực hiện hành vi phạm tội các chứng từ trong hồ sơ giải ngân không được T trình lên đều đầy đủ có chữ ký gốc của khách hàng kiểm tra thấy trùng khớp (*Những khách hàng đó có quan hệ tín dụng với Ngân hàng C đã giải ngân nhiều lần*), 25 khách hàng đó giải ngân đúng thẩm quyền của lãnh đạo phòng giao dịch và lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng C (*Thực hiện theo đúng Quyết định số 839/2017/QĐ-HĐQT-xxx ngày 15/11/2017 về dịch vụ tín dụng cho các phân khúc khách hàng bán lẻ; Quyết định số 003/2019/QĐ-TGD-xxx ngày 01/01/2019 về việc ban hành quy trình cấp và quản lý tín dụng đối với khách hàng và Văn bản số 8809/TGD-xxx ngày 19/6/2014 về hướng dẫn chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của Ngân hàng TMCP C Việt Nam*) do vậy Giao dịch viên, lãnh đạo phòng giao dịch V, Lãnh đạo chi nhánh không biết được T thực hiện giải ngân không vi phạm pháp luật. Trong một thời gian 04 tháng T thực hiện hành vi phạm tội, với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đơn vị, Lãnh đạo chi nhánh Ngân hàng C đã kiểm tra phát hiện được hành vi của T và đã cử cán

bộ tiến hành xác minh ngay tới từng khách hàng, tìm ra nguyên nhân, điều kiện để T thực hiện hành vi phạm tội và làm đơn tố giác T tới Cơ quan điều tra; phối hợp cùng với cơ quan điều tra, kịp thời ngăn chặn thu hồi được toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt của Ngân hàng, nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với cán bộ, Lãnh đạo của Ngân hàng C Chi nhánh tỉnh Hà Giang và đã có Công văn số 415 ngày 20/7/2021 đề nghị Ngân hàng TMCP C Việt Nam, Chi nhánh Hà Giang, kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân, đối chiếu với các quy định của Ngân hàng C để xem xét xử lý kỷ luật về hành chính, phòng ngừa vi phạm là đúng pháp luật. Tại Văn bản số 62/BC-CN HAG-TH, ngày 23/7/2021 của Ngân hàng TMCP C Chi nhánh Hà Giang đã có báo cáo về việc thực hiện Công văn số 415 ngày 20/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang về việc xử lý cán bộ sai phạm với các hình thức: Chuyển đổi vị trí công việc; kéo dài thời hạn nâng lương; khiển trách; một số cán bộ chưa tới mức xử lý kỷ luật, yêu cầu nghiêm túc tự kiểm điểm và rút kinh nghiệm như vậy là thỏa đáng.

[25] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[26] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu T phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Thu T; xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 13 (Mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 03/9/2020).

3. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 355 Bộ luật Hình sự; cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến tài chính, ngân hàng đối với bị cáo Lê Thị Thu T thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Không áp dụng hình phạt tiền, tịch thu tài sản đối với bị cáo Lê Thị Thu T.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại IPHONE 7 plus màu đen, đã qua sử dụng, rạn màn hình, số máy FN482LL/A; số seri FYQXCOCZHFXW, không lắp sim, không bật được nguồn, không kiểm tra được số máy, số seri và tình trạng hoạt động bên trong của máy.

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/7/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 03 Công an tỉnh Hà Giang;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THA HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan